

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
số: 24/2017/KDTM-GĐT
Ngày 09-8-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng chuyển
nhượng vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- ***Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:*** 16 (mười sáu) thành viên tham gia xét xử, do ông Nguyễn Hòa Bình - Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Chủ tọa phiên tòa.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thu Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:*** Ông Phương Hữu Oanh - Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng vốn” giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1963; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 197 T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; cư trú tại: Số 50B, đường T, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến C là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05-12-2014).

- ***Bị đơn:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn K; địa chỉ: Cụm công nghiệp T, xã T, huyện A, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 29-7-2014);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Chu Minh Đ là Luật sư của Chi nhánh Công ty Luật hợp danh H tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn:***

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn N; địa chỉ: Cụm công nghiệp T, xã T, huyện A, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn N: Ông Nguyễn Tiến C là người đại diện theo ủy quyền của Công ty trách nhiệm hữu hạn N (Văn bản ủy quyền ngày 18-12-2013).

2. Bà Đặng Thúy P, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 50B, đường T, phường Q, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thúy P: Ông Đặng Danh T là người đại diện theo ủy quyền của bà Đặng Thúy P (Văn bản ủy quyền ngày 08-12-2014).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn:* Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 144 H, phường T, quận T, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Ngọc T: Bà Kiều Thị Hải V là người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Ngọc T (Văn bản ủy quyền ngày 30-12-2013).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02-12-2013 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là ông Nguyễn Chí L trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn K (sau đây viết tắt là Công ty K) được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2102000533, đăng ký lần đầu ngày 25-11-2003, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 12-3-2007, ngành nghề chủ yếu là lắp ráp điện, điện tử dân dụng và công nghiệp; sản xuất, gia công khuôn mẫu; sản xuất, gia công các sản phẩm nhựa, các sản phẩm từ kim loại màu, kim loại đen; đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; có vốn điều lệ là 9.000.000.000 đồng; gồm 04 thành viên góp vốn: Ông Hàn Anh T1 góp 3.600.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ; bà Lê Ngọc T góp 900.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ; bà Đặng Thúy P góp 900.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ; ông Nguyễn Chí L góp 3.600.000.000 đồng, chiếm 40% vốn điều lệ.

Công ty trách nhiệm hữu hạn N (sau đây viết tắt là Công ty N) được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2102001740, đăng ký lần đầu ngày 12-6-2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 04-9-2008, ngành nghề chủ yếu là sản xuất, lắp ráp và buôn bán sản phẩm điện tử, cơ khí như: ổ áp, biến áp, dây và cáp điện đồng nhôm các loại, ô cắm, phích cắm, thiết bị đo điện, phụ kiện ngành điện, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; có vốn điều lệ khi thành lập là 50.000.000.000 đồng; gồm 03 sáng lập viên:

- Ông Nguyễn Chí L góp 43.200.000.000 đồng, chiếm 86,4% vốn điều lệ;

- Bà Đặng Thúy P góp 5.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ;

- Công ty K góp vốn là giá trị của toàn bộ tài sản gắn liền với quyền sử dụng 02 thửa đất thuê thời hạn 50 năm tại Cụm công nghiệp T, xã T, huyện A, tỉnh Bắc Ninh (sau đây viết tắt là Cụm công nghiệp T) có tổng diện tích là 11.735,4m², theo Quyết định số 01/QĐHĐTV ngày 02-6-2008 của Hội đồng thành viên Công ty N công nhận tại Biên bản họp số 01/BBHĐTV ngày 02-6-2008 với tổng trị giá 1.800.000.000 đồng, chiếm 3,6% vốn điều lệ.

Trên cơ sở Giấy phép đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp, Hội đồng thành viên Công ty N họp thống nhất quyết định mở rộng đầu tư xây dựng

Nhà máy thiết bị điện Lioa. Để có nguồn vốn bổ sung thực hiện dự án, Hội đồng thành viên quyết định tăng vốn điều lệ và cơ cấu lại vốn góp, hình thức góp vốn của các thành viên theo Quyết định số 021/QĐHĐTV ngày 29-8-2008 tăng vốn từ 50.000.000.000 đồng lên 90.000.000.000 đồng, trong đó vốn bằng tiền mặt là 79.000.000.000 đồng, vốn bằng tài sản là 11.000.000.000 đồng. Hình thức tăng vốn thông qua việc kết nạp thành viên góp vốn mới với số tiền 30.800.000.000 đồng của Công ty TNHH N - Hà Nội và tăng thêm giá trị phần vốn góp của Công ty K; theo đó, phần vốn góp của Công ty K trong Công ty N tăng từ 1.800.000.000 đồng lên 11.000.000.000 đồng, chiếm 12,2% vốn điều lệ.

Theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty K và Biên bản họp Hội đồng thành viên Công ty N ngày 29/8/2008 định giá và xác định: Tài sản góp vốn của Công ty K trong Công ty N là toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng 11.735,4m² đất phi nông nghiệp tại Cụm công nghiệp T đứng tên chủ sử dụng là Công ty K được xác lập tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 311380 và số AD 311381 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp cùng ngày 20-6-2006, trong đó có tổng giá trị công trình xây dựng là 9.754.509.173 đồng, tổng giá trị tạo dựng về quyền sử dụng đất (bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí san lấp) là 1.245.490.827 đồng theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất số 238-2008 ngày 03-10-2008 lập tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi thực hiện xong thủ tục tăng và góp vốn, Dự án Nhà máy sản xuất thiết bị điện Lioa được tiến hành khởi công xây lắp trên diện tích 11.735,4m² đất gắn liền với tài sản mà Công ty K đã góp. Đến tháng 3-2009, Nhà máy sản xuất thiết bị điện Lioa chính thức đi vào hoạt động. Quá trình hoạt động, Công ty N tiếp tục đầu tư xây dựng thêm trên diện tích này một số hạng mục công trình như nhà xưởng, nhà kho, hệ thống thoát nước, lắp đặt thêm cầu trục, thang máy, thiết bị điện..., với tổng giá trị đầu tư thêm gần 7.000.000.000 đồng.

Ngày 28-9-2009, do muốn rút vốn đầu tư để chuyển hướng kinh doanh, Hội đồng thành viên Công ty K họp quyết định nhượng lại toàn bộ số vốn đã góp của mình tại Công ty N cho thành viên sáng lập của Công ty N là ông Nguyễn Chí L. Cùng ngày, Hội đồng thành viên Công ty N họp và ra quyết định nhất trí cho Công ty K chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp cho ông L, đồng thời cho Công ty K rút khỏi danh sách thành viên góp vốn tại Công ty N.

Ngày 28-9-2009, ông L và Công ty K (do ông Hàn Anh T1 đại diện) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp (sau đây gọi tắt là Hợp đồng chuyển nhượng). Theo đó, Công ty K chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn đã góp là 12,2% vốn điều lệ cho ông Nguyễn Chí L với giá chuyển nhượng 11.000.000.000 đồng.

Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng phần vốn giữa các thành viên, Công ty N có thông báo số 15/2009/TB-NL gửi Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh đề nghị thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp (lần thứ 2) và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế (đăng ký thay đổi lần thứ 2) ngày 19-10-2009 với nội dung: Công ty N có vốn điều lệ 90.000.000.000 đồng; danh sách thành viên góp

vốn gồm: Ông Nguyễn Chí L góp 54.200.000.000 đồng, chiếm 60,2% vốn điều lệ; Bà Đặng Thúy P góp 5.000.000.000 đồng, chiếm 5,5% vốn điều lệ và Công ty TNHH N - Hà Nội góp 30.800.000.000 đồng, chiếm 34,3% vốn điều lệ.

Công ty N tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh cho đến đầu năm 2013 thì Công ty K có nhiều công văn yêu cầu Công ty N phải di dời, chuyển toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy sản xuất thiết bị điện Lioa để hoàn trả lại toàn bộ mặt bằng văn phòng, nhà xưởng cho Công ty K với lý do toàn bộ các công trình xây dựng và tài sản gắn liền với công trình xây dựng trên khu đất thực hiện dự án thuộc quyền sở hữu của Công ty K. Công ty N và ông L nhiều lần làm việc, yêu cầu Công ty K chấm dứt hành vi trái pháp luật nhưng không có kết quả.

Ngày 02-12-2013, ông L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh công nhận toàn bộ tài sản góp vốn của Công ty K có giá trị 11.000.000.000 đồng chiếm 12,2% vốn điều lệ của Công ty N đã chuyển nhượng cho ông là hợp pháp, thuộc sở hữu và sử dụng của ông trong Công ty N.

Ngày 15-01-2014, Công ty N có đơn gửi Tòa án yêu cầu kê biên toàn bộ khối tài sản đang tranh chấp. Ngày 20-01-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2014/QĐ-BPKCTT kê biên các tài sản đang tranh chấp giữa các bên gồm: 01 nhà xưởng 1 (PX sản xuất nhựa) diện tích 1.005m²; 01 nhà xưởng lắp ráp; nhà kho 3 tầng; 01 nhà xưởng dây cũ (nhà bán mái); 01 nhà để xe; 01 nhà kho chứa vật liệu; 01 xe ô tô bán tải ISUZU, BKS 54V-9063; 04 máy tiện chân đồng; 01 máy phát điện 750KVA; 01 trạm biến áp 1000KVA và các hạng mục đi kèm.

Bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn K trình bày:

- Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa ông Nguyễn Nhật L với Công ty K là không đúng pháp luật bởi khi nhận đơn khởi kiện của ông L thì giữa Công ty K và Công ty N đang có vụ việc tranh chấp liên quan đến hợp đồng gia công mà Công ty K khởi kiện đòi Công ty N phải thanh toán đang được Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết và trong vụ kiện này Công ty N đã có đơn yêu cầu phản tố. Mặt khác, xét về tư cách chủ thể khởi kiện thì ông L không có quyền khởi kiện; nếu có tranh chấp thì chủ thể khởi kiện phải là Công ty N. Đề nghị Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho ông L.

- Về nội dung: Công ty K góp vốn vào Công ty N theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất số 238-2008 ngày 03-10-2008 được thực hiện đúng quy định pháp luật về góp vốn giữa pháp nhân với pháp nhân, việc góp vốn này Công ty K không góp vốn với ông L bởi Công ty K là loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Ông L chỉ là một trong các thành viên góp vốn và là người đại diện theo pháp luật của Công ty N. Hai là, Công ty K góp vốn vào, Công ty N đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số GS/2009 B0076700 trị giá 10.421.963.528 đồng với nội dung “Tài sản trả lại thành viên góp vốn” cho Công ty K. Như vậy, Công ty K và Công ty N không có liên quan đến phần vốn góp theo hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn

liền với đất số 238-2008 ngày 03-10-2008. Việc ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty K công nhận toàn bộ khối tài sản góp vào Công ty N có giá trị 11.000.000.000 đồng, chiếm 12,2% tổng số vốn điều lệ đã chuyển nhượng cho ông L là không có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn là Công ty N và bà Đặng Thúy P trình bày giống như trình bày của nguyên đơn về việc Công ty K góp vốn vào Công ty N sau đó chuyển nhượng phần vốn góp này cho ông L và cho rằng việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty N giữa ông L và Công ty K là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty nên thỏa thuận này có hiệu lực thực hiện đối với các bên. Về mối quan hệ giữa hai Công ty, Công ty K có quan hệ hợp tác gia công cho phía Công ty N; ngoài ra, giữa hai công ty không có mối quan hệ pháp lý nào khác; Công ty N cũng không ký bất cứ hợp đồng thuê đất hay nhà xưởng của Công ty K. Đề nghị Tòa án buộc Công ty K phải chấm dứt ngay hành vi chiếm dụng trái phép khối tài sản đã chuyển nhượng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn là bà Lê Ngọc T trình bày giống như Công ty K.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/2014/KDTM-ST ngày 22-5-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí L.

Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký ngày 28-9-2009 giữa Công ty K (trách nhiệm hữu hạn) - Bên chuyển nhượng và ông Nguyễn Chí L - Bên nhận chuyển nhượng là hợp pháp, phần tài sản chuyển nhượng có giá trị 11.000.000.000 đồng chiếm 12,2% vốn điều lệ của Công ty N theo danh mục tài sản góp vốn của Công ty K vào Công ty N bao gồm toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với quyền sử dụng 11.735,4m² đất phi nông nghiệp tại Cụm công nghiệp T, xã T, huyện A, tỉnh Bắc Ninh đứng tên chủ sử dụng là Công ty K (trách nhiệm hữu hạn) được xác lập tại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 311380 và số AD 311381 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 20-6-2006, trong đó giá trị công trình xây dựng bao gồm nhà xưởng 1, nhà xưởng 2, nhà xưởng 2 tầng, nhà điều hành, trạm biến áp và công trình xây dựng cơ bản khác như tường bao, nhà ăn, nhà bảo vệ... là 9.754.509.173 đồng; tổng giá trị tạo dựng về quyền sử dụng đất là 1.245.490.827 đồng là thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Chí L trong Công ty trách nhiệm hữu hạn N.

Ông Nguyễn Chí L và Công ty trách nhiệm hữu hạn N liên hệ với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai đối với hai thửa đất số AD 311380 và AD 311381 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 20-6-2006, hiện đứng tên Công ty K (trách nhiệm hữu hạn).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03-6-2014, Công ty K kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 24/2014/KDTM-PT ngày 07-10-2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Không

chấp nhận kháng cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2014/KDTM-ST ngày 22-5-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Sau khi xét xử phúc thẩm, Công ty K có nhiều đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Ngân hàng thương mại cổ phần V - Chi nhánh Bắc Ninh có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Kháng nghị giám đốc thẩm số 03/KN-KDTM-V10 ngày 30-6-2016, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 24/2014/KDTM-PT ngày 07-10-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/KDTM-ST ngày 22-5-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xem xét, giải quyết lại từ sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất ngày 03-10-2008 giữa bên góp vốn là Công ty K với bên nhận góp vốn là Công ty N (sau đây viết tắt là Hợp đồng góp vốn) thì tài sản góp vốn là tổng giá trị công trình xây dựng (bao gồm toàn bộ chi phí về xây dựng, lắp ráp nhà xưởng) và tổng giá trị tạo dựng về quyền sử dụng đất (bao gồm toàn bộ các chi phí san lấp mặt bằng, đền bù đất, có danh mục kèm theo) gắn liền với 02 thửa đất thuê, nộp tiền thuê đất hàng năm, có tổng diện tích 11.735,4m² đất phi nông nghiệp tại Cụm công nghiệp T, xã T, huyện A, tỉnh Bắc Ninh đứng tên chủ sử dụng là Công ty K theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 311380 và số AD 311381 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 20-6-2006. Trên cơ sở đó, Công ty K được sở hữu phần vốn góp 12,2% vốn điều lệ tại Công ty N. Vì vậy, Công ty K được hưởng lợi nhuận cũng như phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty N trong phạm vi số vốn cam kết góp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 Luật Doanh nghiệp năm 2005.

[2] Hợp đồng góp vốn được các bên thừa nhận là tự nguyện và hợp pháp. Tuy nhiên, Hợp đồng góp vốn này chưa hoàn thành do tài sản góp vốn là bất động sản gắn liền với quyền sử dụng đất nhưng Công ty K không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó cho Công ty N tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là chưa đầy đủ về mặt thủ tục theo quy định tại khoản 1 Điều 174, Điều 167 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 4 Điều 4, điểm a, b khoản 1 Điều 29 Luật Doanh nghiệp năm 2005; khoản 1 Điều 158 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29-10-2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

[3] Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 111 Luật Đất đai năm 2003 thì “Tổ chức kinh tế được Nhà nước cho thuê đất có quyền: Bán tài sản, góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất thuê; người mua tài sản được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất theo mục đích đã được xác định”. Công ty K thuê đất của Nhà nước (diện tích 11.735,4 m² đất tại tại Cụm công nghiệp T, nộp tiền thuê đất hàng năm), khi góp vốn vào Công ty N và chuyển nhượng cho ông Nguyễn Chí L, Công ty K chỉ góp vốn và chuyển nhượng phần vốn góp là tài sản trên đất nên người mua tài sản là ông Nguyễn Chí L được quyền tiếp tục thuê đất của Nhà nước.

[4] Ngày 28-9-2009, ông Nguyễn Chí L và Công ty K (do ông Hàn Anh T1 đại diện) đã ký Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với nội dung: Công ty K chuyển nhượng lại toàn bộ phần vốn đã góp là 12,2% vốn điều lệ tại Công ty N cho ông Nguyễn Chí L với giá chuyển nhượng là 11.000.000.000 đồng. Cùng ngày 28-9-2009, giữa ông L và Công ty K có Biên bản về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng đã hoàn tất. Các thành viên của Công ty N, Công ty K và ông Nguyễn Chí L đều công nhận việc chuyển nhượng này là hợp pháp, không ai có khiếu nại gì. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký ngày 28-9-2009 giữa Công ty K với ông L là hợp pháp là có căn cứ.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Chí L và Công ty K đưa ra các chứng cứ khác nhau về việc thanh toán khoản tiền 11.000.000.000 đồng. Ông L cho rằng trong số các tài sản mà Công ty K góp vốn thì các tài sản bao gồm các công trình xây dựng gắn liền với đất có giá trị 9.754.509.173 đồng là do vợ chồng ông chi tiền toàn bộ để đầu tư xây dựng, mua sắm lắp đặt trong thời gian góp vốn vào Công ty K nên ông không thanh toán toàn bộ số tiền 11.000.000.000 đồng cho Công ty K khi nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty K trong Công ty N mà ông chỉ thanh toán cho K phần giá trị tạo dựng về quyền sử dụng đất với số tiền là 1.245.490.827 đồng; trên thực tế ngày 02/02/2010, ông đã thanh toán cho ông T1 số tiền là 1.108.140.000 đồng. Còn Công ty K cho rằng ông L chưa thanh toán số tiền này. Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm chưa xem xét làm rõ vợ chồng ông L chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty K cho ông Hàn Anh T1 và Công ty K chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty N cho ông L thực chất có phải là thủ tục Công ty K trả lại tài sản cho ông L theo xác nhận ngày 01-6-2009 của ông Hàn Anh T1 hay không, tại sao Công ty N xuất hóa đơn giá trị gia tăng số GS/2009 B0076700 ngày 06-10-2009 trả lại tài sản góp vốn cho Công ty K sau khi Công ty K đã chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty N cho ông L. Tòa án cũng chưa làm rõ trách nhiệm của ông L tương ứng với quyền sở hữu 12,2% phần vốn góp trong Công ty N mà đã quyết định số tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng này thuộc quyền sở hữu của ông L là chưa đủ căn cứ vì nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L để công nhận Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký ngày 28-9-2009 giữa Công ty K với ông L là hợp pháp thì phải giải quyết cả quyền và nghĩa vụ của hai bên theo hợp đồng.

[6] Theo tài liệu mà Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây viết tắt theo tên giao dịch là V) gửi kèm đơn đề nghị giám đốc thẩm cho thấy: Công ty K đang thế chấp tài sản gắn liền trên diện tích 9.754,5 m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD311380 nêu trên để bảo đảm cho khoản vay tại V; V đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không trình bày về việc thế chấp này nên Tòa án không đưa V vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng, chưa bảo đảm quyền lợi hợp pháp của V, khó thi hành án. Khi giải quyết lại vụ án, Tòa án cần làm rõ tại sao Công ty K đã dùng tài sản góp vốn vào Công ty N, đã chuyển nhượng phần vốn góp cho ông Nguyễn Chí L nhưng không làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó cho Công ty N tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, mà lại tiếp tục thế chấp tài sản đã góp vốn để vay vốn tại V thì hợp đồng thế chấp có bị vô hiệu không, nếu phát hiện có hành vi lừa dối để chiếm đoạt tài sản thì chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan cảnh sát điều tra có thẩm quyền để xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Kháng nghị giám đốc thẩm số 03/KN-KDTM-V10 ngày 30-6-2016 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 24/2014/KDTM-PT ngày 07-10-2015 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 01/KDTM-ST ngày 22-5-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh về vụ án “Tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng vốn” giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Chí L với bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện trưởng VKSNDTC (để biết);
- VKSNDTC (Vụ 10);
- TAND tỉnh Bắc Ninh (kèm hồ sơ);
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Vụ GDKT II TANDTC (02 bản), hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN**

Nguyễn Hòa Bình